BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2023

Mẫu số: C53-HD

(Ban hành theo thông tư số 107/2017/TT-BTngày 10/10/2017 của Bộ Tài Chính)

Thời điểm kiểm kê: ..... Ngày ..... Tháng ..... Năm .....

Số BB: 13/13

Ban kiểm kê gồm:

- Bà: Nguyễn Thị Thu Cúc — Chức vụ: Chủ tịch HĐ kiểm kê TS — Đơn vị: Ban giám hiệu
- Ông: Trần Đình Luân — Chức vụ: Ủy viên HĐ kiểm kê TS — Đơn vị: Phòng Quản trị và Đầu tư
- Ông: Hoàng Việt Dũng — Chức vụ: Ủy viên HĐ kiểm kê TS — Đơn vị: Phòng Kế hoạch - Tài chính
- Ông: Trần Đình Diệu — Chức vụ: Ủy viên HĐ kiểm kê TS — Đơn vị: Phòng Kế hoạch - Tài chính
- Ông: Trương Nhật Linh — Chức vụ: Ủy viên HĐ kiểm kê TS — Đơn vị: Phòng Quản trị và Đầu tư
- Ông/bà: Phan Xuân Phồn — Chức vụ: ..... — Đơn vị: .....
- Ông/bà: ..... — Chức vụ: ..... — Đơn vị: .....
- Ông/bà: ..... — Chức vụ: ..... — Đơn vị: .....

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: Văn phòng - Trường tiểu học thực hành (06001), kết quả như sau:

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Mã tài sản mới	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
1	Máy tính xách tay Dell Inspiron 5370 - 2018	03301.01.030210.113	2287	27/8/2018	T3 P09 Cô Đỗ Hà (Phó HT Tiểu học)	1	1	
2	Máy in kim oliverty pr2	03301.01.030305.468	2290	3/12/2019	T2 P09 Văn phòng Tiểu học (Cô Q Nga)	1	1	
3	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020 MT	03301.10.030000.008	2383	27/11/2015	T2 P09 Văn phòng Tiểu học (Cô Q Nga)	1	1	
4	Tivi Led Sony 40 inch	06001.00.030000.002	3585	30/9/2014	T3 P05 (BV sử dụng)	1	1	
5	Giá sắt đựng nhạc cụ: Đựng đàn, micrô…Làm bằng thép hộp, sơn tĩnh điện. Kích thước: (D2000xC18	06001.00.030000.008	3587	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	1	1	
6	Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Thầy Phồn	06001.00.030000.014	3588	14/12/2015	Thầy Phồn	1	1	
7	Máy lọc nước RO 3 vòi nóng lạnh	06001.00.030000.015	3589	29/9/2020	Sảnh T1	1	1	
8	Máy lọc nước RO 3 vòi nóng lạnh	06001.00.030000.016	3590	29/9/2020	Sảnh T1	1	1	
9	Máy lọc nước RO 3 vòi nóng lạnh	06001.00.030000.017	3591	29/9/2020	Sảnh T1	1	1	
10	Máy lọc nước RO 3 vòi nóng lạnh	06001.00.030000.018	3592	29/9/2020	Sảnh T2	1	1	
11	Máy lọc nước RO 3 vòi nóng lạnh	06001.00.030000.019	3593	29/9/2020	Sảnh T2	1	1	
12	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3060 MT SFF XCTO; màn hình Dell E2261HV - Thanh Hải	06001.01.030111.166	3601	10/9/2019	A6 T2 P02	1	1	
13	Loa, tăng âm xách tay Pleasing PL 932	06001.01.031001.174	3608	25/2/2019	A6 Vp THCS	1	1	
14	Loa, tăng âm xách tay Pleasing PL 932	06001.01.031001.175	3609	25/2/2019	A6 T3 P07	1	1	

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Mã tài sản mới	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
15	Loa, tăng âm xách tay Pleasing PL 932	06001.01.031001.176	3610	25/2/2019	A6 T3 P07 (Cô Yến Đội)	1	1	
16	Điều hoa cây24 000 BTU	06001.06.030000.001	3611	28/12/2015	T1 P05 (Nhà ăn Tiểu học)	1	1	
17	Điều hoa cây24 000 BTU	06001.06.030000.002	3612	28/12/2015	T1 P05 (Nhà ăn Tiểu học)	1	1	
18	Điều hoa cây24 000 BTU	06001.06.030000.003	3613	28/12/2015	T1 P05 (Nhà ăn Tiểu học)	1	1	
19	Điều hoa cây24 000 BTU	06001.06.030000.004	3614	28/12/2015	T1 P05 (Nhà ăn Tiểu học)	1	1	
20	Điều hoa cây24 000 BTU	06001.06.030000.005	3615	28/12/2015	T1 P05 (Nhà ăn Tiểu học)	1	1	
21	Tivi 60"	06001.06.030000.006	3616	28/12/2015	T4 P05 (P. Tin học Tiểu học)	1	1	
22	Đầu ghi hình 32 kênh IP	06001.06.030000.007	3617	28/12/2015	T3 P08 (P. Tư vấn học đường)	1	1	
23	Đầu ghi hình 32 kênh IP	06001.06.030000.008	3618	28/12/2015	T3 P08 (P. Tư vấn học đường)	1	1	
24	Amply Mixer 120W A-2120	06001.06.030000.025	3632	28/12/2015	T4 P06 (P. Ngoại ngữ)	1	1	
25	Bộ micro cầm tay, cài áo không dây UHF WS-5325U	06001.06.030000.026	3633	28/12/2015	T4 P06 (P. Ngoại ngữ Tiểu học)	1	1	
26	Amply Mixer 240W A-2240	06001.06.030000.029	3635	28/12/2015	A6 T2 P08 (P. SHCM)	1	1	
27	Máy chiếu 1930	06001.06.030000.031	3636	28/12/2015	A6 T2 P08 (P. SHCM)	1	1	
28	Máy ảnh canon Canon EOS 600D	06001.10.030000.026	3662	27/11/2015	A6 T3 P07	1	1	
29	Tủ gỗ Bảo quản đồ dùng, thiết bị	06001.00.040000.003	7579	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	1	1	
30	Tủ gỗ Bảo quản đồ dùng, thiết bị	06001.00.040000.004	7580	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	1	1	
31	Tủ gỗ Bảo quản đồ dùng, thiết bị	06001.00.040000.005	7581	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	1	1	
32	Máy trợ giảng không dây Unizone 9580 III	06001.00.110000.005	9111	11/6/2020	GVCN các lớp	8	8	
33	Âm ly TOA A2120	06001.00.110000.006	9112	11/6/2020	T3 P07 (3B)	1	1	
34	Loa TOA BS 1030	06001.00.110000.007	9113	11/6/2020	T3 P07 (3B)	2	2	
35	Máy đếm tiền Silicon MC 8600	06001.00.110000.008	9114	11/6/2020	A6 T2 P04 Quỹ (Th Hải)	1	1	
36	Máy làm mát Kangaroo 50F79	06001.00.110000.010	9115	5/6/2020	T4 P03; P04; P07; P08 (5A,5B,5C,5D)	4	4	
37	Máy in HP Laserjet Pro (04 máy 404; 01 máy 402)	06001.00.110000.093	9116	10/3/2020	T1 P01 (1D), T2 P05 (TV), T3 P09 (Đ Hà), A6 T2 P03 (HT)	4	4	
38	Camera giám sát sân trường	06001.06.110000.003	9126	28/12/2015	Sân Tiểu học (1 cái)	1	1	
39	Loa hộp 30W, màu trắng BS-1030B	06001.06.110000.007	9129	28/12/2015	A6 Sảnh T1; T4 P05, P06 (P. Tin, P. Ngoại ngữ)	6	6	
40	Loa hộp 60W, màu trắng F-2000BT	06001.06.110000.008	9130	28/12/2015	A6 T2 P08 (P. SHCM)	4	4	

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Mã tài sản mới	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
41	Màn chiếu điện (gồm giá treo. Cáp tín hiệu)	06001.06.110000.009	9131	28/12/2015	A6 T2 P01 (P. Họp đơn vị)	1	**1**	
42	Bộ trống nghi thức đội: Bộ 05 cái	06001.00.120000.003	11899	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	5	**5**	
43	Bộ tranh dạy học Đạo đức lớp 1	06001.00.120000.005	11900	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	15	**15**	
44	Bộ tranh dạy học Đạo đức lớp 2	06001.00.120000.006	11901	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	15	**15**	
45	Bộ tranh dạy học Đạo đức lớp 3	06001.00.120000.007	11902	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	15	**15**	
46	Bộ tranh dạy học Đạo đức lớp 4	06001.00.120000.008	11903	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	15	**15**	
47	Bộ tranh dạy học Đạo đức lớp 5	06001.00.120000.009	11904	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	15	**15**	
48	Bộ tranh dạy học TN-XH lớp 1	06001.00.120000.010	11905	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	15	**15**	
49	Bộ tranh dạy học TN-XH lớp 2	06001.00.120000.011	11906	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	15	**15**	
50	Bộ tranh dạy học TN-XH lớp 3	06001.00.120000.012	11907	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	15	**15**	
51	Bộ tranh dạy học Thủ công lớp 1	06001.00.120000.013	11908	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	15	**15**	
52	Bộ tranh dạy học Thủ công lớp 2	06001.00.120000.014	11909	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	15	**15**	
53	Bộ tranh dạy học Thủ công lớp 3	06001.00.120000.015	11910	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	15	**15**	
54	Bộ tranh dạy học Thể dục lớp 1	06001.00.120000.016	11911	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	15	**15**	
55	Bộ tranh dạy học Kỹ thuật, Mỹ thuật lớp 1	06001.00.120000.017	11912	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	15	**15**	
56	Bộ tranh dạy học Kỹ thuật, Mỹ thuật lớp 2	06001.00.120000.018	11913	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	15	**15**	
57	Bộ tranh dạy học Kỹ thuật, Mỹ thuật lớp 3	06001.00.120000.019	11914	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	15	**15**	
58	Bộ tranh dạy học Kỹ thuật, Mỹ thuật lớp 4	06001.00.120000.020	11915	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	15	**15**	
59	Bộ tranh dạy học Kỹ thuật, Mỹ thuật lớp 5	06001.00.120000.021	11916	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	15	**15**	

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Mã tài sản mới	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
60	Bộ tranh dạy học Lịch sử lớp 4	06001.00.120000.022	11917	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	6	**6**	
61	Bộ tranh dạy học Lịch sử lớp 5	06001.00.120000.023	11918	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	6	**6**	
62	Bộ tranh dạy học Địa lý lớp 4	06001.00.120000.024	11919	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	6	**6**	
63	Bộ tranh dạy học Địa lý lớp 5	06001.00.120000.025	11920	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	6	**6**	
64	Bộ tranh dạy học Khoa học lớp 4	06001.00.120000.026	11921	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	6	**6**	
65	Bộ tranh dạy học Khoa học lớp 5	06001.00.120000.027	11922	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	6	**6**	
66	Đồ dùng dạy học môn Toán lớp 1 (GV)	06001.00.120000.028	11923	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	4	**4**	
67	Đồ dùng dạy học môn Toán lớp 2 (GV)	06001.00.120000.029	11924	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	8	**8**	
68	Đồ dùng dạy học môn Toán lớp 3 (GV)	06001.00.120000.030	11925	3/9/2015	T2 P05 (P. Thư viện Tiểu học)	3	**3**	
69	ổ cắm Lioa 3 lỗ, dây dài 10m	06001.00.120000.033	11926	3/9/2015	Các lớp học Tiểu học	10	**10**	
70	Ghế Dafuco THT05	06001.00.120000.152	12045	31/12/2014	T3 P09 (P. PHT Tiểu học)	6	**6**	
71	Bàn OD1200A - Châu Giang	06001.00.120000.154	12046	31/12/2014	T3 P09 (P. PHT Tiểu học)	1	**1**	
72	Bàn HP DT1890H35 - Châu Giang	06001.00.120000.155	12047	31/12/2014	T3 P09 (P. PHT Tiểu học)	1	**1**	
73	Bàn HP 2010H6 - Châu Giang	06001.00.120000.156	12048	31/12/2014	T3 P09 (P. PHT Tiểu học)	1	**1**	
74	Bàn gỗ HAGL 1600 x 850 x 750 (gồm kính bàn)	06001.00.120000.161	12053	26/11/2021	T2 P09 (P. SHCM)	1	**1**	
75	Bàn gỗ HAGL 1600 x 850 x 750 (gồm kính bàn)	06001.00.120000.162	12054	26/11/2021	T2 P09 (P. SHCM)	1	**1**	
76	Bàn gỗ HAGL 1600 x 850 x 750 (gồm kính bàn)	06001.00.120000.163	12055	26/11/2021	T2 P09 (P. SHCM)	1	**1**	
77	Bàn gỗ HAGL 1600 x 850 x 750 (gồm kính bàn)	06001.00.120000.164	12056	26/11/2021	T2 P09 (P. SHCM)	1	**1**	
78	Tủ TU09K3CK	06001.00.120000.258	12083	22/7/2021	T4 - P01(5D), P02(5C)	2	**2**	
79	Bàn ghế giáo viên BGGV103	06001.00.120000.259	12084	22/7/2021	T4 - P01(5D), P02(5C)	2	**2**	
80	Âm ly AV MA60	06001.00.120000.260	12085	22/7/2021	T4 - P01(5D), P02(5C)	2	**2**	
81	Loa TCA LB-1030B	06001.00.120000.261	12086	22/7/2021	T4 - P01(5D), P02(5C)	4	**4**	
82	Bảng trượt 2 lớp	06001.00.120000.262	12087	22/7/2021	T4 - P01(5D), P02(5C)	2	**2**	
83	Giá sách tiểu học	06001.00.120000.264	12089	22/7/2021	T4 - P01(5D), P02(5C)	2	**2**	
84	Bàn ghế cho học sinh (01 bàn; 02 ghế)	06001.00.120000.265	12090	16/8/2021	T4 - P01,02 (5C,5D)	30	**30**	

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Mã tài sản mới	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
85	Ghế nhựa học sinh	06001.06.120000.002	12104	31/12/2015	A6, Tiểu học - THSP	600	**600**	
86	Chăn hè học sinh	06001.06.120000.004	12106	31/12/2015	Tiểu học - THSP	200	**200**	
87	Máy tính để bàn HP 280 G4 SFF	06001.00.030000.258	13979	29/12/2022	T1 P04 (1A)	1	**1**	
88	Máy in Canon LBP 226Dw	07801.00.110000.186	14087	29/12/2022	T2 P09 (Q Nga - P SHCM)	1	**1**	
89	Micro không dây cầm tay	06001.00.030000.129	14172	10/11/2022	Sảnh T1 - Giảng đường Tiểu học	1	**1**	
90	Tăng âm liền mixer 240W/A-2240	06001.00.030000.130	14173	10/11/2022	Sảnh T1 - Giảng đường Tiểu học	1	**1**	
91	Loa còi tán rộng 50W	06001.00.110000.175	14708	10/11/2022	Sân trường - Giảng đường Tiểu học	3	**3**	
92	Đầu đĩa Sony	06001.00.110000.176	14709	10/11/2022	Sảnh T1 - Giảng đường Tiểu học	1	**1**	
93	Thảm sàn Eorobic	06001.06.120000.005	14979	31/12/2015	Mầm non CS1 - THSP	96	**96**	
94	Máy tính HP Pro SFF 280 G9	06001.01.030000.195	15074	21/8/2023	T2 P10 (P. Đỗ Hà)	1	**1**	
95	Bàn ET1400 C	06001.01.120000.496	15158	9/6/2023	T2 P09 (P. SHCM Q Nga)	1	**1**	

Nghệ An, ngày 25.. Tháng 01.... năm 2024

TRƯỞNG BAN KIỂM KÊ | **PHÒNG KH-TC** | **PHÒNG QT&ĐT** | **ĐƠN VỊ SỬ DỤNG** | **BỘ PHẬN KIỂM KÊ**

TS. Phan Xuân Phồn